

Số: 1109/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 05 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận sinh viên đủ điều kiện học ngành 2 đợt 2 năm học 2023-2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hồng Đức; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 30/11/2022 của Hội đồng trường về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 04/NQ-HĐT ngày 09/6/2020 của Hội đồng trường;

Căn cứ Quyết định số 906/QĐ-ĐHHĐ ngày 25/5/2021 và Quyết định số 2610/QĐ-ĐHHĐ ngày 19/9/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học theo tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức;

Căn cứ Quyết định số 925/QĐ-ĐHHĐ ngày 22/3/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức về việc thành lập Hội đồng xét công nhận sinh viên đủ điều kiện học ngành 2 đợt 2, năm học 2023-2024;

Căn cứ kết quả họp hội đồng xét điều kiện học ngành 2 cho sinh viên chính quy đợt 2 năm học 2023-2024 vào ngày 05 tháng 4 năm 2024;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 92 sinh viên đủ điều kiện được học ngành 2 hệ chính quy năm học đợt 2 năm học 2023-2024 (Có danh sách sinh viên và ngành học kèm theo).

Điều 2. Sinh viên có tên trong danh sách tham gia học theo CTĐT áp dụng cho khóa tuyển sinh 2023 (K26) và thực hiện đúng quy định về đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Hồng Đức.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trưởng phòng Quản lý Đào tạo, phòng KH-TC, phòng GDCT&CT HSSV, Trưởng các khoa, các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- HĐT (Để báo cáo)
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, P.QLĐT



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HỌC NGÀNH 2 ĐỢT 2 NĂM HỌC 2023 - 2024

(Ban hành theo Quyết định số: 1109/QĐ-ĐHHD ngày 05/04/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức)

TT	MHS	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Đang học ngành 1	Học ngành 2	Điểm TBC ngành 1	Điểm TS			Ghi chú
								Tổ hợp xét	Điểm Thi THPT	Điểm HB	
1	87	2264060012	Lê Thị Hằng	21/02/2004	ĐH Kinh tế	K26 ĐH CNTT	2.66	D01	19.4		
2	88	2264060031	Lê Thị Quỳnh Thu	26/08/2004	ĐH Kinh tế	K26 ĐH CNTT	2.54	D84	19.35		
3	92	2167020035	Mai Hồ Thanh Tâm	26/09/2002	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH Kế toán	2.53	D01	21.2		
4	93	2264030036	Hồ Thị Hồng Nhung	25/12/2004	ĐH TC-NH	K26 ĐH Kế toán	2.93	D01	23.15		
5	76	2163000012	Lê Thị Thảo	18/01/2002	ĐH SP Sinh học	K26 ĐH KHTN	3.28	C01	19.6		
6	94	2267010012	Hoàng Thị Minh Phương	10/12/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH Luật	3.68	A01	25.25		
7	96	2264010195	Lê Thị Hồng	01/02/2004	ĐH Kế toán	K26 ĐH GD Mầm non	3.14	M00	15.4		
8	91	2269000132	Quách Thị Nhung	03/02/2004	ĐH GD Tiểu học	K26 ĐH NNA	2.91	D01	19.2		
9	90	2166090015	Hoàng Mỹ Duyên	10/11/2003	ĐH Tâm lý học	K26 ĐH NNA	3.01	D01	20.85		
10	89	2266090014	Lường Thị Thảo Ly	22/08/2004	ĐH Tâm lý học	K26 ĐH NNA	3.41	D14	20.35		
11	78	2262010014	Nguyễn Văn Anh	25/08/2004	ĐH SP Hóa học	K26 ĐH SP Toán	3.21	A00	21.95		
12	63	2266010050	Phạm Xuân Tư	03/09/2004	ĐH SP Ngữ văn	K26 ĐH SP Toán	2.97	A02		24	
13	79	2267010073	Nguyễn Hương Ly	09/11/2003	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH SP Toán	3.62	A00		26.13	
14	83	2161020011	Lê Thị Hậu	25/10/2003	ĐH SP Vật lý	K26 ĐH SP Toán	3.21	A00	21.3		
15	80	2161020019	Nguyễn Thảo My	24/07/2003	ĐH SP Vật lý	K26 ĐH SP Toán	3.18	A00	21.3		
16	81	2161020030	Nguyễn Thị Thảo	02/04/2003	ĐH SP Vật lý	K26 ĐH SP Toán	3.22	A00	22.6		
17	77	216102CLC08	Lê Thị Hậu	26/11/2003	ĐH SP Vật lý CLC	K26 ĐH SP Toán	3.68	A00	25.9		
18	82	216102CLC10	Đỗ Thị Huệ	07/12/2003	ĐH SP Vật lý CLC	K26 ĐH SP Toán	3.61	A01	25.7		
19	85	2169000114	Phạm Thị Kim Tuyền	04/11/2003	ĐH GD Tiểu học	K26 ĐH SP Văn	2.95	C20	25		
20	86	2269000228	Vũ Thị Ngọc Mai	14/12/2004	ĐH GD Tiểu học	K26 ĐH SP Văn	2.98	C00	26.25		
21	84	2167010090	Nguyễn Thị Trà My	02/09/2003	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH SP Văn	2.78	C20	23.5		

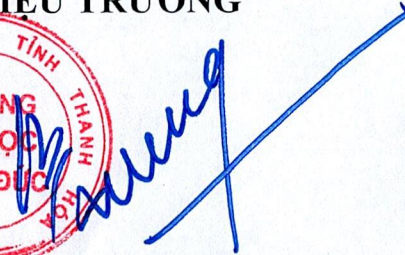
TT	MHS	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Đang học ngành 1	Học ngành 2	TBC ngành 1	Tổ hợp xét	Điểm Thi THPT	Điểm HB	Ghi chú
22	13	2069010123	Phạm Thị Quê	10/03/2002	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	3.15	C00	22.5		
23	11	2169010111	Lê Thị Hương Thảo	12/09/2003	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.67	C00	21.75		
24	12	2169010110	Lê Thị Thảo	18/06/2003	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.71	C00	21		
25	17	2169010188	Phạm Thị Tường Vi	20/11/2003	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.55	M00	20.15		
26	41	2169010206	Nguyễn Thị Hòa	02/07/2003	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.65	M00	21.25		
27	27	2169010209	Trịnh Thu Hương	26/01/2003	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.66	C00	20.5		
28	40	2169010235	Trịnh Thị Hải Sâm	21/01/2003	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.57	C00	22.75		
29	44	2269010018	Lê Thị Lài	24/02/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.82	M00	23.05		
30	51	2269010019	Cao Thị Lan	07/08/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.65	C00	20.75		
31	8	2269010195	Lương Phương Thảo	12/02/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.78	C00	21.5		
32	29	2269010061	Vũ Thị Hòa	29/12/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.67	C00	24.5		
33	28	2269010074	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	28/11/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.86	M00	24.1		
34	42	2269010201	Nguyễn Thị Yến Nhi	12/12/2003	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.56	M00	24.1		
35	37	2269010095	Vì Thị Hoài Anh	01/08/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.55	M00	20.25		
36	35	2269010108	Lương Thị Hường	28/04/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.71	M00	22		
37	36	2269010109	Hà Thị Thu Huyền	24/09/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.58	C00	22.5		
38	59	2269010116	Lê Thị Mai	28/06/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.69	D01	20.2		
39	38	2269010117	Nguyễn Thị Trà My	31/01/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.57	C00	22.75		
40	4	2269010192	Lương Thảo Vân	17/01/2004	ĐH GD Mầm non	K26 ĐH GD Tiểu học	2.62	D01	20.7		
41	61	2269020014	Mai Việt Hưng	13/11/2004	ĐH GD thể chất	K26 ĐH GD Tiểu học	2.69	D01	23.75		
42	74	2269020039	Hà Thị Tuyết	07/03/2004	ĐH GD thể chất	K26 ĐH GD Tiểu học	3.24	C00	22.25		
43	72	2164010043	Dương Thị Thảo	10/05/2003	ĐH Kế toán	K26 ĐH GD Tiểu học	3.33	D01	21.9		
44	2	2164010134	Cao Thị Đức	31/10/2002	ĐH Kế toán	K26 ĐH GD Tiểu học	2.99	C00	22.5		
45	34	2164010209	Nguyễn Ngọc Mai	04/11/2003	ĐH Kế toán	K26 ĐH GD Tiểu học	2.61	A00	19.2		
46	69	2264010202	Nguyễn Nhật Lệ	11/05/2004	ĐH Kế toán	K26 ĐH GD Tiểu học	2.52	C00	22		
47	26	2264070003	Đỗ Thị Lan Anh	06/07/2004	ĐH Kiểm toán	K26 ĐH GD Tiểu học	2.91	D01	23		
48	21	2264070018	Nguyễn Thị Ngân	24/11/2004	ĐH Kiểm toán	K26 ĐH GD Tiểu học	2.82	D01	23.6		
49	65	2264060008	Trịnh Văn Đoan	08/06/2004	ĐH Kinh tế	K26 ĐH GD Tiểu học	2.52	C00	26.25		
50	43	2167020112	Lê Thị Hằng	09/05/2003	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.57	D01	22.25		

TT	MHS	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Đang học ngành 1	Học ngành 2	TBC ngành 1	Tổ hợp xét	Điểm Thi THPT	Điểm HB	Ghi chú
51	60	2167020015	Trần Thị Hường	04/08/2003	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.54	D01	23.1		
52	58	2067020074	Lang Thị Quyên	21/06/2000	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.54	C00	19.25		
53	55	2167020037	Phạm Thị Thảo	02/08/2002	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.77	D01	21.57		
54	33	2167020153	Cao Thị Tuyên	28/11/2003	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.84	D01	22.95		
55	15	2267020024	Nguyễn Huệ Chi	12/04/2004	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.7	D01	23.3		
56	70	2267020093	Nguyễn Thị Hải Anh	29/12/2003	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.94	D01	23.1		
57	73	2267020106	Bùi Uyên Nhi	02/08/2004	ĐH Ngôn ngữ Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.9	D01	21.8		
58	39	2264020067	Trịnh Khánh Huyền	12/08/2004	ĐH QTKD	K26 ĐH GD Tiểu học	2.79	D01	21.75		
59	48	2162010012	Đỗ Thị Hương	19/08/2003	ĐH SP Hóa học	K26 ĐH GD Tiểu học	3.47	D01	20.3		
60	47	2162010016	Lê Thị Mai	28/02/2003	ĐH SP Hóa học	K26 ĐH GD Tiểu học	3.34	D01	21.7		
61	66	2162010015	Lê Thanh Mai	04/04/2003	ĐH SP Hóa học	K26 ĐH GD Tiểu học	2.88	D01	23.75		
62	57	2162010025	Đặng Hồng Nhung	28/10/2002	ĐH SP Hóa học	K26 ĐH GD Tiểu học	3.01	D01	20.3		
63	1	2067010069	Trần Quang Minh	13/04/2002	ĐH SP Ngoại ngữ	K26 ĐH GD Tiểu học	2.81	D01	19.25		
64	56	2166010028	Lê Thùy Trang	16/03/2003	ĐH SP Ngữ văn	K26 ĐH GD Tiểu học	2.98	C00	25.57		
65	7	2266010028	Lê Nhật Linh	17/10/2004	ĐH SP Ngữ văn	K26 ĐH GD Tiểu học	3.27	C00	25.25		
66	5	2266010032	Nguyễn Thị Trà My	24/08/2004	ĐH SP Ngữ văn	K26 ĐH GD Tiểu học	3.07	C00	25.25		
67	6	2266010044	Nguyễn Thị Thương	07/09/2004	ĐH SP Ngữ văn	K26 ĐH GD Tiểu học	3.33	D01	22.2		
68	25	2263000003	Phạm Linh Đăng	26/10/2004	ĐH SP Sinh học	K26 ĐH GD Tiểu học	2.5	D01	19.85		
69	10	2167010201	Lê Vương Trà My	05/12/2003	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.76	D01	24.7		
70	75	2167010052	Nguyễn Lê Quỳnh Trang	29/09/2002	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.17	D01	25.6		
71	49	2167010056	Lê Thị Khánh Vân	13/06/2003	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.32	D01	25.65		
72	30	2267010017	Ninh Hoàng Mai Anh	16/09/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.2	D01	23.95		
73	53	2267010019	Đỗ Thị Hương Giang	28/02/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.87	D01	24.6		
74	3	2267010009	Văn Thùy Linh	30/01/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.12	D01	22.05		
75	50	2267010008	Lê Ngọc Linh	14/11/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.18	D01	24.45		
76	52	2267010010	Nguyễn Thị Hồng Minh	06/01/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.4	D01	24.15		
77	46	2267010028	Nguyễn Thảo Phương	02/11/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.59	D01	24		

TT	MHS	Mã SV	Họ tên	Ngày sinh	Đang học ngành 1	Học ngành 2	TBC ngành 1	Tổ hợp xét	Điểm Thi THPT	Điểm HB	Ghi chú
78	24	2267010003	Ngô Linh Chi	01/12/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.93	D01	23.8		
79	54	2267010041	Nguyễn Ngọc Linh	21/04/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.18	D01	23.6		
80	23	2267010057	Nguyễn Thị Trà My	28/10/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.82	D01	25.1		
81	22	2267010104	Nguyễn Thị Trang Nhung	29/11/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.73	D01	24.8		
82	45	2267010139	Nguyễn Kiều Oanh	03/12/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.19	D01	24.25		
83	71	2267010048	Trương Huyền Trang	30/11/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	3.09	D01	24		
84	14	2267010090	Đỗ Thị Oanh	02/01/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.61	D01	23.85		
85	32	2267010076	Hoàng Anh Phương	17/03/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.95	D01	23.1		
86	31	2267010117	Hoàng Thuỳ Linh	03/06/2004	ĐH SP Tiếng Anh	K26 ĐH GD Tiểu học	2.92	D01	25		
87	9	2261010032	Mai Thị Trà My	19/10/2004	ĐH SP Toán học	K26 ĐH GD Tiểu học	3.07	A00	24.15		
88	16	2261010048	Cao Thị Phương Thảo	09/12/2004	ĐH SP Toán học	K26 ĐH GD Tiểu học	3.01	D01	20.1		
89	19	2161020015	Nguyễn Thị Mai	08/11/2003	ĐH SP Vật lý	K26 ĐH GD Tiểu học	3.09	D01	19.4		
90	18	2161020024	Phan Hà Phương	19/09/2003	ĐH SP Vật lý	K26 ĐH GD Tiểu học	2.61	D01		24.03	
91	20	2161020033	Nguyễn Thị Trang	18/06/2003	ĐH SP Vật lý	K26 ĐH GD Tiểu học	2.95	M00	21.45		
92	64	2166090011	Bùi Thị Thúy Nguyệt	24/02/2003	ĐH Tâm lý học	K26 ĐH GD Tiểu học	3.19	C00	22		

(Ấn định danh sách có 92 sinh viên)./ 

HIỆU TRƯỞNG


Bùi Văn Dũng